TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 12 - 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và ông Đậu Cao Nhu.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2023/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2023, về: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐST-DS ngày 15/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1983. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Bùi Xuân B, sinh năm 1982. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Xuân B tự nguyên kết hôn, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/4/2003 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B thường xuyên uống rượu, nhậu

nhẹt, bê tha. Chị đã khuyên bàn nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, chị đã về sinh sống tại nhà mẹ đẻ tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình sống ly thân chị và anh B không còn liên quan, quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm giữa chị với anh B không còn nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Xuân B.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Bùi Hoàng Xuân K, sinh ngày 19/9/2004 hiện cháu đã trưởng thành và đang đi học đại học, muốn ở với ai là do cháu lựa chọn và Bùi Thị T, sinh ngày 16/4/2007 hiện đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B vắng mặt không có lý do, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2023 của bà Hồ Thị L là mẹ đẻ của anh B trình bày: Bà đã nhận và thông báo qua điện thoại các văn bản của Toà án cho anh B, hiện nay anh B đi làm ở Hà Nội, thỉnh thoảng mới về địa phương. Anh B đồng ý ly hôn, nhưng do công việc không về Toà án để giải quyết được. Anh B và chị H có hai con chung, họ tên ngày tháng năm sinh như chị H trình bày, về con chung anh B không có ý kiến gì. Nguyên nhân mâu thuẫn của chị H và anh B bà L không biết cụ thể, chỉ biết từ tháng 5/2021 chị H đưa cháu Bùi Thị T về Hà Tĩnh sinh sống.

Cháu Bùi Thị T có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q*:* Chị Hoàng Thị Thu H và anh Bùi Xuân B đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Q vào ngày 10/4/2003. Hôn nhân giữa anh B và chị H đảm bảo các quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa chị H và anh B mâu thuẫn với nhau như thế nào địa phương không nắm được vì không ai yêu cầu hòa giải tại cơ sở. Anh B và chị H có 02 con chung là Bùi Hoàng Xuân K, sinh ngày 19/9/2004 và Bùi Thị T, sinh ngày 16/4/2007. Anh B hiện đang có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm xác minh anh B không có mặt tại địa phương, địa phương không biết được nơi ở mới của anh B. Cùng nơi cư trú với anh B tại địa phương có mẹ đẻ là bà Hồ Thị L, sinh năm 1951, bà L thường xuyên sinh sống tại địa phương. Chị H đề nghị

ly hôn, giải quyết về con chung, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ tranh chấp; hồ sơ vụ án được lập đầy đủ, đánh số bút lục; xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn; xác minh, thu thập chứng cứ; Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và phiên hoà giải; thời hạn giải quyết vụ án; tống đạt các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân thủ các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có lúc còn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; khoản 5 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về tình cảm: Cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Xuân B.

Về con chung: Giao con chung Bùi Thị T, sinh ngày 16/4/2007 cho chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Hoàng Xuân K, sinh ngày 19/9/2004 đã trưởng thành, ở với ai do cháu lựa chọn. Không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Xuân B và có nguyện vọng nuôi con chung. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Bùi Xuân B có nơi thường trú tại xóm T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo hoãn và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Thu H và anh Bùi Xuân B là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được đăng ký tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An ngày 10/4-/2003. Quá trình chung sống do tính cách không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã. Anh Bình thường x uống rượu, mặc dù nhiều lần chị H khuyên giải nhưng không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh B không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Xuân B.

[2.2] Về con chung: Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H là nguyện vọng chính đáng. Từ khi ly thân con chung ở với chị H, cháu T là con gái, đang tuổi dậy thì, cần nhiều hơn sự chăm sóc từ người mẹ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao con chung là Bùi Thị T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Xuân B vì chị H chưa yêu cầu. Anh Bùi Xuân B có nghĩa vụ, quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cháu Bùi Hoàng Xuân K đã trưởng thành có nguyện vọng ở với ai do cháu quyết định.

[2.3] Về tài sản: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Bùi Xuân B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Xuân B.

2. Về con chung: Con chung Bùi Hoàng Xuân K, sinh ngày 19/9/2004 đã đủ tuổi trưởng thành có nguyện vọng ở với ai do con quyết định. Giao con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 16/4/2007 cho chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh B, vì chị H chưa có yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai số 0000428 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:
- VKSND H. Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nghệ